



máo pí

毛皮

noun · fur; pelt

Example Sentences

Zhè jiàn dà yī shì máo pí zuò de

这件大衣是毛皮做的。

This coat is made of fur.

Dòng wù máo pí zài shì chǎng shàng hěn zhí qián

动物毛皮在市场上很值钱。

Animal fur is very valuable in the market.

Tā fǎn duì shǐ yòng zhēn máo pí zhì zuò fú zhuāng

她反对使用真毛皮制作服装。

She opposes using real fur to make clothing.

Trace each character, then write the word on your own.

毛 毛 毛 毛 毛 毛 毛

皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮 皮